

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long, theo quyết định số 2314/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1500202535 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2004 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp và thay đổi lần thứ 23 ngày 20 tháng 3 năm 2022 do thay đổi vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DCL.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : 0270.382.2533
- Fax : 0270.382.2129

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Trương Thị Thu Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Phí Xuân Trường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Tái bổ nhiệm
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Đỗ Thế Cao	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Phan Thị Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Lê Thị Thương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2021
Ông Lương Trọng Hải	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2022
Ông Võ Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020
Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2022
Nguyễn Lâm Minh Thương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022) và Bà Vũ Thị Minh Hoài – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2021)

Bà Vũ Thị Minh Hoài đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Trọng Đức – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 21/HĐUQ.DCL ngày 20 tháng 4 năm 2022.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Đức

Ngày 24 tháng 8 năm 2022

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0515/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 25 tháng 8 năm 2021 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vào ngày 27 tháng 01 năm 2022 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2022

5.3.3
Y
AN
HAM
ONG
H L

02-G
H
Y
UU HAN
TU VAN
NOI
TP. HA

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.105.082.173.519	838.210.231.273
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.733.316.651	39.227.583.624
1. Tiền	111		5.733.316.651	12.881.638.419
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	26.345.945.205
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		599.607.945.205	306.262.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	599.607.945.205	306.262.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		179.068.397.171	179.934.712.264
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	165.040.010.808	183.324.251.986
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	49.037.323.821	41.974.108.137
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	23.727.719.298	11.500.425.532
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(58.736.656.756)	(56.864.073.391)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	306.852.415.224	294.658.328.315
1. Hàng tồn kho	141		311.390.677.553	296.869.519.864
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.538.262.329)	(2.211.191.549)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.820.099.268	18.127.607.070
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.127.085.999	1.385.305.750
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.231.524.672	14.448.713.290
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.461.488.597	2.293.588.030
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		825.382.052.015	791.857.157.973
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		269.500.000	269.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		269.500.000	269.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		439.475.680.082	453.514.993.250
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	437.805.770.270	451.761.488.758
<i>Nguyên giá</i>	222		882.992.314.181	879.755.850.933
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(445.186.543.911)	(427.994.362.175)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.669.909.812	1.753.504.492
<i>Nguyên giá</i>	228		2.939.218.377	2.939.218.377
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.269.308.565)	(1.185.713.885)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	428.786.303	3.587.252.339
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		428.786.303	3.587.252.339
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		378.730.000.000	328.730.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	379.737.810.725	329.737.810.725
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(1.007.810.725)	(1.007.810.725)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.478.085.630	5.755.412.384
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.529.531.302	4.835.064.427
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	948.554.328	920.347.957
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.930.464.225.534	1.630.067.389.246

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		619.445.836.133	702.870.783.493
I. Nợ ngắn hạn	310		535.857.326.767	600.623.688.861
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	27.217.289.128	30.807.919.527
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		706.757.753	1.179.555.343
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	7.872.922.735	3.343.494.251
4. Phải trả người lao động	314		10.814.413.560	12.715.520.999
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.152.222.726	4.011.190.873
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	29.426.037.018	233.645.877.181
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	450.803.044.657	311.837.981.045
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4.864.639.190	3.082.149.642
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		83.588.509.366	102.247.094.632
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	83.588.509.366	102.247.094.632
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

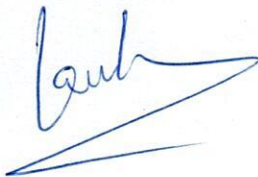
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	1.311.018.389.401	927.196.605.753
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.311.018.389.401	927.196.605.753
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		730.410.300.000	588.328.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		730.410.300.000	588.328.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		220.358.863.743	7.235.773.743
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		360.229.058.808	331.612.425.160
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		329.612.425.160	331.612.425.160
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.616.633.648	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		20.166.850	20.166.850
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.930.464.225.534	1.630.067.389.246

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng



Nguyễn Lâm Minh Thương


Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Trọng Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	408.391.814.607	351.046.462.686
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.562.813.932	15.723.629.589
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		402.829.000.675	335.322.833.097
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	314.077.535.458	256.086.708.550
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		88.751.465.217	79.236.124.547
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	17.057.032.133	23.939.314.585
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	19.892.516.674	20.662.837.720
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.656.804.508	20.596.455.986
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	28.077.305.218	26.051.342.482
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	19.453.263.708	18.411.317.338
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.385.411.750	38.049.941.592
11. Thu nhập khác	31		814.920.170	747.733.321
12. Chi phí khác	32		738.981.908	126.839.361
13. Lợi nhuận khác	40		75.938.262	620.893.960
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.461.350.012	38.670.835.552
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	7.872.922.735	8.775.261.796
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(28.206.371)	(969.137.088)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.616.633.648	30.864.710.844
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Trọng Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38.461.350.012	38.670.835.552
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,V.10	18.570.267.168	14.807.393.277
- Các khoản dự phòng	03		4.199.654.145	3.725.020.931
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(61.404.471)	(1.836.329.984)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.176.445.535)	(22.013.993.421)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	15.656.804.508	20.596.455.986
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59.650.225.827	53.949.382.341
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.522.154.940	(50.173.116.220)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.521.157.689)	(62.204.504.856)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(209.848.241.679)	9.077.130.627
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(436.247.124)	1.652.663.523
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.705.705.112)	(11.260.319.864)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(3.343.494.251)	(13.764.354.791)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(217.510.452)	(99.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(163.899.975.540)	(72.822.119.240)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.655.019.644)	(99.653.624.336)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		220.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(471.345.945.205)	(815.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		178.000.000.000	846.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(50.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.664.712.113	30.878.074.875
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(345.116.252.736)	(38.375.549.461)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

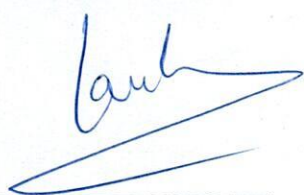
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

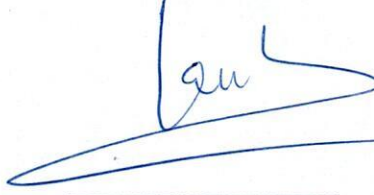
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.19	355.205.150.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	638.817.461.567	919.669.507.154
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(518.510.983.221)	(790.030.203.877)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		475.511.628.346	129.639.303.277
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(33.504.599.930)	18.441.634.576
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	39.227.583.624	7.817.119.543
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10.332.957	(592.933)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	5.733.316.651	26.258.161.186

Người lập biểu



Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng



Nguyễn Lâm Minh Thương

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh Sản xuất kinh doanh XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	Giới thiệu thuốc	51%	51%	51%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế	80,75%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas	Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex tại lô 2.6, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa liệu và dược liệu	55%	55%	55%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 841 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 859 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và các hợp đồng hợp tác đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhằm mục đích hưởng lợi nhuận vào thời điểm đáo hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ; chi phí thẩm định, nghiên cứu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí thẩm định, nghiên cứu

Chi phí thẩm định, nghiên cứu đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn hiệu lực của loại chi phí đó.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc và thiết bị	02 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 -10 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	97.459.398	227.442.510
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.635.857.253	12.654.195.909
Các khoản tương đương tiền	-	26.345.945.205
Cộng	5.733.316.651	39.227.583.624

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	74.345.945.205	48.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi ⁽ⁱⁱ⁾	210.262.000.000	208.262.000.000
Hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽ⁱⁱⁱ⁾	315.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	599.607.945.205	306.262.000.000

(i) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 3,8% đến 5,2%/năm.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất 7,00%/năm.

Toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi đang được cầm cố thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ vay ngân hàng (xem thuyết minh V.17).

(iii) Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn (Công ty con), thời hạn hợp tác là 12 tháng, Công ty được hưởng lợi nhuận cố định 7,3%-7,5%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế ⁽ⁱ⁾	1.007.810.725	(1.007.810.725)	1.007.810.725	(1.007.810.725)
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	163.000.000.000	-	163.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas ⁽ⁱⁱⁱ⁾	79.980.000.000	-	29.980.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas ^(iv)	80.750.000.000	-	80.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas ^(v)	55.000.000.000	-	55.000.000.000	-
Cộng	379.737.810.725	(1.007.810.725)	329.737.810.725	(1.007.810.725)

- (i) Công ty Liên doanh sản xuất kinh doanh, XNK Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế (MSC) được thành lập ngày 29/12/2003 trên cơ sở Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và Lao Medical Services Co., Ltd. MSC. Hiện Công ty đã ngừng hoạt động.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311124093 ngày 06/09/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn có vốn điều lệ là 163 tỷ VND, do Công ty là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314033736 ngày 27/09/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas có vốn điều lệ là 30 tỷ VND. Trong kỳ, Công ty đã góp thêm vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas 50 tỷ VND, tương đương 5.000.000 cổ phần.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1501057104 ngày 27/09/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas có vốn điều lệ là 100 tỷ VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107753133 ngày 08/03/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas có vốn điều lệ là 100 tỷ VND.

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế		51,00%		51,00%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn		100,00%		100,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	7.998.000	99,98%	2.998.000	99,33%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	8.075.000	80,75%	8.075.000	80,75%
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	5.500.000	55,00%	5.500.000	55,00%

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế đang tạm ngưng hoạt động từ năm 2013.

Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Benovas hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty không phát sinh trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ.

Giao dịch với các công ty con

Xem Thuyết minh VII.1.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	30.370.052.578	60.643.574.708
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	6.409.912.464	6.409.912.464
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	23.960.140.114	54.233.662.244
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	134.669.958.230	122.680.677.278
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	16.428.897.499
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	4.976.554.629	4.976.554.629
Công ty TNHH Thương mại Dược Thuận Gia	12.059.562.500	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế và Dược phẩm Hoàn Cầu	-	6.000.068.750
Các khách hàng khác	101.204.943.602	95.275.156.400
Cộng	<u>165.040.010.808</u>	<u>183.324.251.986</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Growena Impex Company	26.917.561.061	30.623.047.678
Tổng Công ty IDICO - Công ty Cổ phần	8.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	14.119.762.760	11.351.060.459
Cộng	<u>49.037.323.821</u>	<u>41.974.108.137</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	7.999.995.651	-	605.761.420	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn – Phải thu lợi nhuận hợp tác đầu tư	7.976.027.398	-	20.000.000	-
Ông Võ Xuân Vinh - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	-	-	569.300.000	-
Ông Trịnh Quốc Khánh - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	-	-	1.461.420	-
Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	23.968.253	-	15.000.000	-
Phải thu tổ chức/cá nhân khác	15.727.723.647 (4.349.490.202)		10.894.664.112 (4.349.490.202)	
Phải thu về cổ phần hóa	5.600.000	-	5.600.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.176.855.070	-	3.841.149.046	-
Ký cược, ký quỹ	257.802.596	-	257.802.596	-
Tạm ứng	3.059.925.705 (689.833.740)		2.561.640.165 (689.833.740)	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.227.540.276 (3.659.656.462)		4.228.472.305 (3.659.656.462)	
Cộng	23.727.719.298 (4.349.490.202)		11.500.425.532 (4.349.490.202)	

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Bên liên quan	6.409.912.464	(6.409.912.464)	6.409.912.464	(6.409.912.464)
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, XNK Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế (Phải thu tiền bán hàng)	6.409.912.464	(6.409.912.464)	6.409.912.464	(6.409.912.464)
Các tổ chức và cá nhân khác	63.021.190.665	(52.326.744.292)	58.594.725.933	(50.454.160.927)
Phải thu tiền bán hàng	24.709.204.979	(24.709.204.979)	24.709.204.979	(24.709.204.979)
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	(16.428.897.499)	16.428.897.499	(16.428.897.499)
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	4.976.554.629	(4.976.554.629)	4.976.554.629	(4.976.554.629)
MEDICAL SUPPLY Pharm Enterprise	3.303.752.851	(3.303.752.851)	3.303.752.851	(3.303.752.851)
Phải thu các khoản chi hộ	1.171.106.482	(1.171.106.482)	1.171.106.482	(1.171.106.482)
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW2 - Hà Nội	774.107.000	(774.107.000)	774.107.000	(774.107.000)
Công ty TNHH Dược phẩm Quốc tế Thiên Đan	396.999.482	(396.999.482)	396.999.482	(396.999.482)
Phải thu tiền tạm ứng	631.890.415	(631.890.415)	631.890.415	(631.890.415)
Nguyễn Ngọc Ân (đã nghỉ)	631.890.415	(631.890.415)	631.890.415	(631.890.415)
Ứng trước cho người bán	131.667.277	(131.667.277)	131.667.277	(131.667.277)
Công ty EAC CHEMICALS (Singapore)	59.123.835	(59.123.835)	59.123.835	(59.123.835)
Công ty ACETO PTE (Singapore)	72.543.442	(72.543.442)	72.543.442	(72.543.442)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	36.377.321.512 (25.682.875.139)		35.254.609.631 (27.114.044.625)	
Cộng	69.431.103.129	(58.736.656.756)	65.004.638.397	(56.864.073.391)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	56.864.073.391	54.334.813.526
Trích lập dự phòng bổ sung	2.934.494.275	1.400.402.835
Hoàn nhập dự phòng	(1.061.910.910)	-
Số cuối kỳ	<u>58.736.656.756</u>	<u>55.735.216.361</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	12.993.676.147	-	18.656.748.481	-
Nguyên liệu, vật liệu	143.870.832.981	(1.394.611.032)	118.793.761.729	(814.345.016)
Công cụ, dụng cụ	10.858.801.991	-	10.173.027.664	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	16.471.827.121	-
Thành phẩm	127.822.981.265	(3.132.598.916)	128.664.288.053	(1.386.733.866)
Hàng hóa	15.844.385.169	(11.052.381)	4.109.866.816	(10.112.667)
Cộng	<u>311.390.677.553</u>	<u>(4.538.262.329)</u>	<u>296.869.519.864</u>	<u>(2.211.191.549)</u>

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 60.000.000.000 VND (số đầu năm là 60.000.000.000 VND) đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.211.191.549	9.026.757.833
Trích lập dự phòng bổ sung	2.327.070.780	2.324.218.096
Số cuối kỳ	<u>4.538.262.329</u>	<u>11.350.975.929</u>

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	410.054.821	727.402.613
Chi phí bảo hiểm	266.115.232	246.713.562
Chi phí phần mềm	384.794.811	231.818.182
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	66.121.135	179.371.393
Cộng	<u>1.127.085.999</u>	<u>1.385.305.750</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	2.007.486.967	1.435.380.729
Chi phí thí nghiệm, nghiên cứu sinh học	1.774.674.313	1.084.203.472
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.747.370.022	2.315.480.226
Cộng	<u>5.529.531.302</u>	<u>4.835.064.427</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	184.154.395.250	669.510.689.516	22.645.069.806	3.445.696.361	879.755.850.933
Mua trong kỳ	-	3.082.330.000	1.237.924.000	210.700.000	4.530.954.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.294.490.752)	-	(1.294.490.752)
Số cuối kỳ	184.154.395.250	672.593.019.516	22.588.503.054	3.656.396.361	882.992.314.181
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.623.833.156	156.966.890.584	8.872.368.110	1.690.800.035	177.153.891.885
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	53.003.644.725	354.718.141.770	17.457.291.380	2.815.284.300	427.994.362.175
Khấu hao trong kỳ	3.687.741.309	13.964.445.730	691.291.414	143.194.035	18.486.672.488
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.294.490.752)	-	(1.294.490.752)
Số cuối kỳ	56.691.386.034	368.682.587.500	16.854.092.042	2.958.478.335	445.186.543.911
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	131.150.750.525	314.792.547.746	5.187.778.426	630.412.061	451.761.488.758
Số cuối kỳ	127.463.009.216	303.910.432.016	5.734.411.012	697.918.026	437.805.770.270
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 308.268.134.032 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.17)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành (*)	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	203.067.927	1.747.470.450	988.680.000	2.939.218.377
Số cuối kỳ	203.067.927	1.747.470.450	988.680.000	2.939.218.377
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	569.916.700	569.916.700
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	908.333.667	277.380.218	1.185.713.885
Khấu hao trong kỳ	-	58.877.688	24.716.992	83.594.680
Số cuối kỳ	-	967.211.355	302.097.210	1.269.308.565
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	203.067.927	839.136.783	711.299.782	1.753.504.492
Số cuối kỳ	203.067.927	780.259.095	686.582.790	1.669.909.812
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

(*) Là bản sắc thương hiệu Dược Cửu Long.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	3.314.729.000	1.305.125.000	(4.530.954.000)	88.900.000
Xây dựng cơ bản dở dang	272.523.339	67.362.964	-	339.886.303
Công trình Nhà máy Vikimco	272.523.339	-	-	272.523.339
Dự án khác	-	67.362.964	-	67.362.964
Cộng	3.587.252.339	1.372.487.964	(4.530.954.000)	428.786.303

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (chi phí phải trả). Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	920.347.957	1.948.564.182
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	28.206.371	969.137.088
Số cuối kỳ	948.554.328	2.917.701.271

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	5.970.904.670	1.916.720.955
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	5.955.103.838	1.903.702.064
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda)	15.800.832	7.898.880
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	-	5.120.011
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	21.246.384.458	28.891.198.572
Công ty TNHH Sản xuất Constantia Việt Nam	2.392.868.576	3.033.625.983
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại In Phước Châu	1.116.253.504	2.693.057.785
Các nhà cung cấp khác	17.737.262.378	23.164.514.804
Cộng	27.217.289.128	30.807.919.527

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

14a. Phải thu

	Số đầu năm	Số đã thực thu trong kỳ	Số phải thu trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.980.381.853	608.297.899	-	1.372.083.954
Thuế xuất, nhập khẩu	283.191.413	571.016.157	345.141.821	57.317.077
Thuế thu nhập cá nhân	30.014.764	-	2.072.802	32.087.566
Cộng	2.293.588.030	1.179.314.056	347.214.623	1.461.488.597

14b. Phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	11.460.024.213	11.460.024.213	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.343.494.251	7.872.922.735	3.343.494.251	7.872.922.735
Thuế thu nhập cá nhân	-	548.555.092	548.555.092	-
Thuế nhà đất	-	393.930	393.930	-
Tiền thuê đất	-	980.355.825	980.355.825	-
Các loại thuế khác	-	12.500.000	12.500.000	-
Cộng	3.343.494.251	20.874.751.795	16.345.323.311	7.872.922.735

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế GTGT cho mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế 5%
- Thuế GTGT cho mặt hàng khác 8 - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.461.350.012	38.670.835.552
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	903.263.665	5.205.473.429
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ</i>	141.031.853	5.071.685.447
<i>Chi phí loại trừ</i>	738.980.343	120.306.707
<i>Thù lao HĐQT, BKS</i>	168.000.000	-
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	(73.894.896)	13.481.275
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu của kỳ trước thực hiện trong kỳ này</i>	(70.853.635)	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	39.364.613.677	43.876.308.981
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7.872.922.735	8.775.261.796

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	281.815.974	330.716.578
Chi phí hỗ trợ bán hàng	2.431.904.439	596.076.168
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.438.502.313	3.084.398.127
Cộng	4.152.222.726	4.011.190.873

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan (Hợp đồng hợp tác đầu tư)^(*)</i>	28.237.958.904	232.568.810.959
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	-	188.753.561.644
Gốc	-	184.000.000.000
Lợi nhuận	-	4.753.561.644
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	28.237.958.904	43.815.249.315
Gốc	27.050.000.000	43.700.000.000
Lợi nhuận	1.187.958.904	115.249.315
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	1.188.078.114	1.077.066.222
Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
Kinh phí công đoàn	181.210.977	205.249.052
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	83.802.660	83.802.660
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	750.324.621	615.274.654
Cộng	29.426.037.018	233.645.877.181

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với các bên liên quan có thời hạn 12 tháng. Mục đích hợp tác đầu tư kinh doanh với lợi nhuận cố định 6%/năm.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng^(*)</i>	416.487.369.707	280.522.306.095
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	31.436.515.323	39.820.122.672
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	90.973.483.051	90.223.615.741
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	71.286.240.631	50.606.160.424
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	32.984.155.684	49.897.428.875
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội	189.806.975.018	49.974.978.383
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	34.315.674.950	31.315.674.950
Cộng	450.803.044.657	311.837.981.045

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Chi tiết như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	50 tỷ VND	không quá 12 tháng	5,3% - 5,9%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	5%
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	5% - 5,7%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Ngân hàng</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	50 tỷ VND	từ 08/06/2022 đến 31/12/2022	4,2% - 4,4%
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội (vay hạn mức thấu chi tài khoản) ⁽ⁱ⁾	300 tỷ VND	không quá 12 tháng	7,1%

- (i) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi (Xem Thuyết minh V.2a).
- (ii) Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị được xác định hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3, thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, thế chấp tài sản là toàn bộ MMTB hình thành trong tương lai phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng Nhà máy Capsule giai đoạn 4, thế chấp tài sản là hàng tồn kho luân chuyển của khách hàng với giá trị 10 tỷ đồng.
- (iii) Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp hàng hóa, thế chấp tài sản và cầm cố giấy tờ có giá.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	280.522.306.095	31.315.674.950	311.837.981.045
Số tiền vay phát sinh	638.817.461.567	-	638.817.461.567
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	18.658.585.266	18.658.585.266
Số tiền vay đã trả	(502.852.397.955)	(15.658.585.266)	(518.510.983.221)
Số cuối kỳ	416.487.369.707	34.315.674.950	450.803.044.657

17b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo các hợp đồng:

- Theo hợp đồng số 06/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 03 tháng 07 năm 2017 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule III - Giai đoạn 1" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 111.915.145.300 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-202/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017.
- Theo hợp đồng số 03/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 29 tháng 01 năm 2021 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule - Giai đoạn 4" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 140.000.000.000 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-201/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 03/HĐTC-VLO.KH ngày 29/01/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	34.315.674.950	32.466.054.950
Trên 1 năm đến 5 năm	83.588.509.366	106.561.019.632
Cộng	117.904.184.316	139.027.074.582

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	102.247.094.632	37.299.439.997
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	78.651.166.971
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(18.658.585.266)	(10.658.585.266)
Số cuối kỳ	83.588.509.366	105.292.021.702

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	3.082.149.642	1.485.949.642
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.000.000.000	2.000.000.000
Chi quỹ	(217.510.452)	(99.000.000)
Số cuối kỳ	4.864.639.190	3.386.949.642

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Nguồn vốn đầu tư XDCB</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	568.328.240.000	-	31.465.441.126	268.744.598.730	20.166.850	868.558.446.706
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	30.864.710.844	-	30.864.710.844
Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	568.328.240.000	-	31.465.441.126	297.609.309.574	20.166.850	897.423.157.550
Số dư đầu năm nay	588.328.240.000	7.235.773.743	-	331.612.425.160	20.166.850	927.196.605.753
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	142.082.060.000	213.123.090.000	-	-	-	355.205.150.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	30.616.633.648	-	30.616.633.648
Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	730.410.300.000	220.358.863.743	-	360.229.058.808	20.166.850	1.311.018.389.401

(*) Trong kỳ, thực hiện Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 1375/UBCK-QLCB ngày 21/03/2022 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty đã phân phối 14.208.206 cổ phiếu với giá bán 25.000 VND/cổ phiếu. Ngày 21/3/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo số 23/BC-DCL ngày 17/03/2022 của Công ty.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	424.026.160.000	424.026.160.000
Các cổ đông khác	306.384.140.000	164.302.080.000
Cộng	730.410.300.000	588.328.240.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.041.030	58.832.824
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	73.041.030	58.832.824
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	73.041.030	58.832.824
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 như sau:

	<u>VND</u>
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.000.000.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	15.789,67	22.697,52

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	35.521.460.926	4.677.609.681
Doanh thu bán thành phẩm	372.870.353.681	346.368.853.005
Cộng	<u>408.391.814.607</u>	<u>351.046.462.686</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.1.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	2.674.349.461	3.323.555.433
Hàng bán bị trả lại	2.888.464.471	12.399.812.251
Giảm giá hàng bán	-	261.905
Cộng	<u>5.562.813.932</u>	<u>15.723.629.589</u>

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.079.950.374	4.823.296.695
Giá vốn của thành phẩm đã bán	277.670.514.304	248.939.193.759
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.327.070.780	2.324.218.096
Cộng	<u>314.077.535.458</u>	<u>256.086.708.550</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.981.048.632	16.454.048.329
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	19.369.505	7.364.271
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	7.956.027.398	5.552.580.821
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	39.182.127	1.925.321.164
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	61.404.471	-
Cộng	17.057.032.133	23.939.314.585

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.656.804.508	9.042.583.713
Chi phí lợi nhuận hợp tác đầu tư	4.135.175.343	-
Chi phí lãi trái phiếu	-	11.077.528.010
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	476.344.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	100.536.823	66.381.734
Cộng	19.892.516.674	20.662.837.720

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.043.967.382	10.268.684.513
Chi phí vật liệu, bao bì	216.504.259	78.461.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	693.946.366	771.705.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.581.610.064	14.290.674.599
Chi phí hỗ trợ bán hàng	2.375.380.887	3.572.617.297
Chi phí vận chuyển	2.361.587.221	3.243.244.161
Chi phí mua ngoài khác	9.844.641.956	7.474.813.141
Các chi phí khác	541.277.147	641.816.678
Cộng	28.077.305.218	26.051.342.482

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.355.301.978	9.171.832.534
Chi phí vật liệu quản lý	251.266.933	343.703.388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	449.403.174	514.013.304
Dự phòng phải thu khó đòi	1.872.583.365	1.400.802.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.850.325.102	6.490.241.712
Các chi phí khác	674.383.156	490.723.565
Cộng	19.453.263.708	18.411.317.338

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	304.059.210.220	197.615.938.447
Chi phí nhân công	52.335.741.347	49.446.073.378
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.570.267.168	14.807.393.277
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.017.680.028	45.154.573.885
Chi phí dự phòng	1.872.583.365	1.400.802.835
Chi phí khác	2.387.709.844	2.490.992.604
Cộng	424.243.191.972	310.915.774.426

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.4.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Kỳ này		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT		30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT		22.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT		24.000.000	24.000.000
Ông Phí Xuân Trường	Thành viên HĐQT		22.000.000	22.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	Trưởng BKS		16.500.000	16.500.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS		12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS		11.000.000	11.000.000
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Tổng Giám đốc	33.333.336		33.333.336
Ông Lương Trọng Hải	Giám đốc điều hành	57.570.000		57.570.000
Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	175.500.000		175.500.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	52.278.000		52.278.000
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	197.546.511		197.546.511
Cộng		516.227.847	137.500.000	653.727.847

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ trước				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Ông Phí Xuân Trường	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	Trưởng BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Phan Thị Hòa	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Tổng Giám đốc	7.060.186	-	7.060.186
Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	312.000.000	-	312.000.000
Ông Võ Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	56.100.000	-	56.100.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	52.278.000	-	52.278.000
Cộng		427.438.186	168.000.000	595.438.186

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Benovas	Công ty con
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	Công ty con
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mũi Dinh Ecopark	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dững Tâm	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Bán hàng	-	3.419.701.197
Dịch vụ cho thuê văn phòng	3.683.092.522	2.561.677.968
Phải trả lợi nhuận hợp tác đầu tư	3.062.465.754	-
Trả tiền gốc hợp tác đầu tư	184.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas		
Bán hàng	184.887.304.485	124.548.517.025
Trả lại hàng mua	2.373.813.290	10.780.751.971
Hàng khuyến mại	-	2.337.518.335
Mua hàng	-	1.306.267.776
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas		
Trả gốc hợp tác đầu tư	16.650.000.000	-
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	1.072.709.589	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	7.956.027.398	5.552.580.821
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	365.000.000.000	-
Thu hồi tiền hợp tác đầu tư	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics		
Mua hàng	220.526.679	570.000.000
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa		
Mua hàng	21.811.200	13.089.600

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

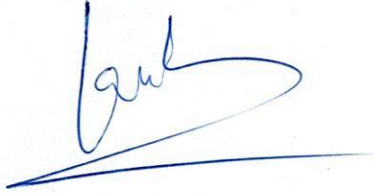
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

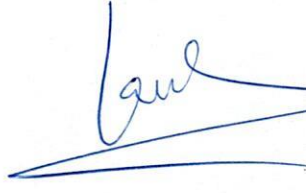
Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng



Nguyễn Lâm Minh Thương

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Đức